

Số: 35/2024/QĐST-DS

V, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 149/2024/TLST – DS ngày 20 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Trụ sở chính: Số B đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Hồ Nam T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1975, chức vụ: Giám đốc chi nhánh B1. Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Y, chức vụ: Chuyên viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh B1 (Theo Văn bản ủy quyền số 960/2023/QĐ-LPBank.BL ngày 16/8/2023).

- Bị đơn: Ông Tạ Ngọc H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1978. Hộ khẩu thường trú: Số I, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tạ Ngọc T1, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú: Số I, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2024, ông Tạ Ngọc H, bà Nguyễn Thúy Q còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền 321.042.102 (Ba trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm lẻ hai) đồng, trong đó:

Vốn: 269.449.904 đồng.

Lãi trong hạn: 48.405.631 đồng

Lãi quá hạn: 3.186.567 đồng

2.2. Ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP B** số tiền 321.042.102 (Ba trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm lẻ hai) đồng, trong đó:

Vốn: 269.449.904 đồng.

Lãi trong hạn: 48.405.631 đồng

Lãi quá hạn: 3.186.567 đồng

Và lãi phát sinh từ ngày 10/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2.3. Trường hợp ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì **Ngân hàng TMCP B** có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HĐTC9202022170 ngày 16/8/2022 là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 363963 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 28/7/2022, thửa đất số 563, tờ bản đồ số 39, diện tích 85,5m², đất ở đô thị tọa lạc tại **ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** do ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** và anh **Tạ Ngọc T1** đang quản lý, sử dụng.

Trên đất có 01 căn nhà chính ngang 4,5m, dài 19m, diện tích 85,5m² kết cấu móng khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, mái tôn thiết, trần la phong.

2.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo hợp đồng tín dụng số HDTD9202022311 ngày 16/8/2022.

2.5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.6. Chi phí tố tụng là 3.321.865 (Ba triệu ba trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng. **Ngân hàng TMCP B** đã nộp đủ và đã chi phí hết. Ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** tự nguyện chịu nộp toàn bộ 3.321.865 (Ba triệu ba trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng. **Ngân hàng TMCP B** được nhận lại 3.321.865 (Ba triệu ba trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng từ tiền ông **Tạ Ngọc h**, bà **Nguyễn Thúy Q** nộp trong giai đoạn thi hành án.

2.7. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 16.052.205 (Mười sáu triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm lẻ năm) đồng, nhưng được giảm 50% do

hòa giải thành bằng 8.026.052 (Tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai) đồng.

Ngân hàng TMCP B phải chịu 4.013.026 (Bốn triệu không trăm mười ba nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng. Ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** phải chịu 4.013.026 (Bốn triệu không trăm mười ba nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng.

Ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** tự nguyện chịu nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.026.052 (Tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai) đồng.

Ông **Tạ Ngọc H**, bà **Nguyễn Thúy Q** phải nộp 8.026.052 (Tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng án phí 7.231.000 (Bảy triệu hai trăm ba mươi một nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001939 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Y1